

tuyển dân cư, sản xuất cấu kiện và vật liệu làm nhà của các doanh nghiệp sản xuất nhà. Công khai chi phí đầu tư tôn nền cho dân biết. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất cấu kiện và vật liệu làm nhà.

2. Các doanh nghiệp sản xuất đủ cấu kiện và vật liệu làm nhà ở để bán cho dân với giá thành và giá bán hợp lý, đảm bảo doanh nghiệp sản xuất không bị lỗ nhưng cũng không tính lãi khi bán nhà ở cho dân. Các doanh nghiệp sản xuất một số mẫu nhà để dân lựa chọn cho phù hợp với yêu cầu của mình.

3. Quỹ Hỗ trợ phát triển quản lý nguồn vốn đầu tư tôn nền nhà, thực hiện cho tỉnh vay và thu hồi vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo Ngân hàng phục vụ người nghèo thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay làm nhà ở theo quy định của Quyết định này.

5. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối phân vốn ngân sách trung ương cấp và bù lãi suất cho phần vốn huy động và phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quyết định này cho Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng phục vụ người nghèo.

Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ phát triển hướng dẫn cụ thể triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Long An, Vĩnh Long, Kiên Giang, Tiền Giang, Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

CÁC BỘ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH số 62/2002/QĐ-BNN ngày 11/7/2002 về việc ban hành quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 15 tháng 2 năm 1993; Nghị định số 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 3 tháng, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

QUY ĐỊNH VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

(ban hành theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BNN ngày 11/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh (sau đây viết tắt là cơ sở an toàn dịch bệnh) để cung cấp động vật, sản phẩm động vật cho tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu gồm:

a) Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh một loài động vật đối với một bệnh hoặc nhiều bệnh.

b) Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh nhiều loài động vật đối với một bệnh hoặc nhiều bệnh.

2. Động vật, sản phẩm động vật trong Quy định này theo Điều 2 khoản 1, 2 của Pháp lệnh Thú y, trừ động vật dưới nước.

3. Tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; mua bán, giết mổ động vật; chế biến, kinh doanh sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Vùng an toàn dịch bệnh*" là vùng lãnh thổ được xác định ở đó không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng bệnh và hoạt động về thú y đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh, giết mổ, kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

Vùng an toàn dịch bệnh gồm vùng an toàn và vùng đệm. Vùng đệm là vùng tiếp giáp với vùng an toàn.

2. *Cơ sở an toàn dịch bệnh* là trong phạm vi cơ sở chăn nuôi không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng bệnh và hoạt động chăn nuôi, thú y đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh, xuất, nhập động vật, sản phẩm động vật.

3 "*Ổ dịch*" là một bệnh truyền nhiễm hoặc ký sinh trùng thuộc danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xảy ra ở một xã hoặc một cơ sở có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, giết mổ động vật, chế biến sản phẩm động vật.

4. "*Giám sát dịch bệnh*" là việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá tính chất, nguyên nhân xuất hiện, phương thức lây lan bệnh trong suốt quá trình chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ động vật, chế biến kinh doanh sản phẩm động vật và đề ra các biện pháp phòng bệnh, khống chế bệnh hoặc thanh toán đối với từng bệnh cụ thể.

Điều 3. Phân công trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương việc xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh ở địa phương, đầu tư cho các hoạt động về thú y và các hoạt động khác trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Cục Thú y chịu trách nhiệm hướng dẫn xây dựng, thẩm định vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh, chỉ đạo các Chi cục Thú y trong việc xây dựng và quản lý các hoạt động đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

3. Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ sở chăn nuôi trong việc xây dựng, quản lý vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh và thực hiện các nội dung chuyên môn kỹ thuật thuộc thẩm quyền.

Chương II

ĐIỀU KIỆN THÚ Y ĐỐI VỚI VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH

Điều 4. Điều kiện vệ sinh thú y đối với vùng

an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh để xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật gồm:

1. Không có dịch bệnh Lở mồm long móng, Dịch tả lợn trong khoảng thời gian từ ngày có con vật ốm, chết, giết hủy cuối cùng đến ngày được công nhận là vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Có xảy ra bệnh khác thuộc danh mục phải công bố dịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng không phát thành dịch và động vật mắc bệnh được tiêu hủy, xử lý kịp thời theo quy định.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thú y trong bản Quy định này đối với việc tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y giết mổ, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi, khai báo dịch bệnh.

4. Đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh thú y ở các cơ sở có hoạt động liên quan đến thú y quy định ở Điều 1, khoản 3 của Quy định này theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn cụ thể của Cục Thú y.

Điều 5. Điều kiện vệ sinh thú y đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh để cung cấp động vật, sản phẩm động vật cho tiêu dùng trong nước gồm:

1. Đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4 khoản 2, 3, 4 của Quy định này;

2. Không xảy ra dịch bệnh đang đề nghị công nhận là vùng an toàn đối với dịch bệnh đó trong thời gian được quy định tùy theo từng vùng, tính chất từng bệnh, từng loài động vật tính đến ngày được công nhận đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 6. Quy định về việc khai báo dịch bệnh :

Cơ sở chăn nuôi, giết mổ động vật khi thấy động vật mắc bệnh hoặc chết phải báo ngay cho cơ quan thú y sở tại hoặc chính quyền địa phương và không được bán, giết mổ, lưu thông trên thị trường.

Thú y xã, trạm thú y huyện nhận được khai báo phải kiểm tra xác minh ngay, trong trường

hợp nghi mắc bệnh Lở mồm long móng, Dịch tả lợn hoặc bệnh được đăng ký an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh thì phải báo cáo ngay cho Chi cục Thú y tỉnh, thành phố, đồng thời lấy mẫu gửi chẩn đoán, xét nghiệm.

Điều 7. Quy định về việc tiêm phòng:

Chế độ tiêm phòng đối với từng bệnh, từng loài gia súc và loại vắc xin trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh để xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật phải tiêm phòng theo Quy định số 1243-NN-TY/QĐ ngày 24/7/1996 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Quy định về việc kiểm dịch động vật:

1. Trong trường hợp cần ngăn chặn dịch bệnh lây lan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập các chốt kiểm dịch động vật trên các đường giao thông chính trong vùng đệm.

2. Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, đặc biệt đối với động vật, sản phẩm động vật nhập vào vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

3. Phải có cơ sở cách ly kiểm dịch. Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch tùy theo từng bệnh.

4. Chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch cho động vật, sản phẩm động vật được lấy từ vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 9. Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y và giết mổ động vật:

1. Thức ăn chăn nuôi phải đảm bảo chất lượng, đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

2. Việc giết mổ gia súc để kinh doanh phải thực hiện tại các cơ sở giết mổ được phép của các cơ quan có thẩm quyền. Gia súc giết mổ phải được cơ quan thú y kiểm soát giết mổ.

3. Việc giết mổ gia cầm để kinh doanh phải được cơ quan thú y kiểm soát chặt chẽ.

Điều 10. Quy định về chẩn đoán, xét nghiệm:

1. Khi có động vật ốm, chết nghi ngờ mắc dịch bệnh nguy hiểm phải được cơ quan thú y tiến

hành chẩn đoán, xét nghiệm và có phiếu kết quả chẩn đoán kèm theo báo cáo dịch bệnh.

2. Tiến hành khảo sát, đánh giá về huyết thanh học theo Quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 11. Quy định về xử lý động vật mắc bệnh truyền nhiễm:

1. Thực hiện việc giết hủy động vật mắc bệnh Lở mồm long móng ngay khi phát hiện được bệnh.

2. Thực hiện việc giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh Dịch tả lợn.

3. Thực hiện việc giết hủy, giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc các bệnh khác theo hướng dẫn, giám sát của cơ quan thú y phù hợp cho từng bệnh theo quy định của pháp luật về thú y.

Chương III

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ CÔNG NHẬN VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH

Điều 12. Địa phương, cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải lập hồ sơ đăng ký gồm:

1. Đơn đăng ký vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (theo mẫu quy định của Cục Thú y);

2. Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh dự kiến được xây dựng có các nội dung sau:

a) Lập báo cáo mô tả vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh về địa điểm, địa lý tự nhiên, đặc điểm sản xuất chăn nuôi;

b) Hoạt động thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh;

Mỗi vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh có một tờ trình riêng.

Điều 13. Nơi đăng ký vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh và thời hạn tiến hành:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh nói ở Điều 12 về Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2. Trong phạm vi 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y cùng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ sở chăn nuôi tiến hành lập dự án xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 14. Địa phương, cơ sở chăn nuôi đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải làm thủ tục sau:

1. Lập hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định;

b) Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh đã được xây dựng.

2. Nộp hồ sơ đăng ký về Cục Thú y.

Trong phạm vi 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Thú y thẩm định điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh và trả lời kết quả. Khi đủ điều kiện thì các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh cho địa phương theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

Trong trường hợp thẩm định là chưa đủ điều kiện là vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh thì địa phương, cơ sở có thể đề nghị thẩm định lại sau khi đã sửa chữa, khắc phục những nội dung chưa đạt yêu cầu trong lần thẩm định trước.

Điều 15. Thành lập đoàn thẩm định vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh:

1. Cục Thú y có trách nhiệm quyết định thành lập đoàn thẩm định.

2. Thành phần đoàn thẩm định do Cục trưởng Cục Thú y quyết định gồm các cán bộ thuộc các đơn vị chuyên môn kỹ thuật thú y có liên quan đến nội dung thẩm định.

Điều 16. Nhiệm vụ của đoàn thẩm định:

1. Kiểm tra các điều kiện của vùng an toàn

dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh đề nghị được công nhận.

2. Đánh giá về tình hình dịch bệnh, vận chuyển gia súc trong vùng và xuất, nhập với các địa phương, nước khác.

3. Xác định khả năng của các cơ quan có trách nhiệm đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

4. Lập báo cáo thẩm định và kiến nghị ở một trong các mức sau đây:

a) Mức A: đạt đầy đủ tiêu chuẩn về nội dung kiểm tra đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh, đề nghị công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Mức B: đạt tiêu chuẩn chưa đầy đủ, cần hoàn thành những nội dung theo yêu cầu của đoàn thẩm định để đề nghị thẩm định lại.

c) Mức C: không đạt tiêu chuẩn, cần tiếp tục các hoạt động xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 17. Thẩm quyền cấp giấy công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh:

Cục Thú y cấp giấy công nhận huyện, quận, cơ sở chăn nuôi là vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh theo đề nghị của Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 18. Quản lý vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh:

1. Giấy công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh có giá trị 2 năm kể từ ngày cấp và được thông báo cho các tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước. Trước khi hết thời hạn 3 tháng đơn vị phải có đơn xin thẩm định lại gửi về Cục Thú y. Nếu trong thời gian được cấp giấy công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh không đảm bảo các yêu cầu theo quy định thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy.

2. Cục Thú y tổ chức thẩm định lại vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh trong phạm vi 2 tháng kể từ ngày nhận đơn xin thẩm định, với các nội dung sau:

a) Điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi.

b) Kiểm tra huyết thanh học các bệnh đăng ký an toàn và các bệnh truyền lây sang người.

c) Kiểm tra công tác tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thú y đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh:

1. Cục Thú y chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo các Chi cục Thú y trong việc xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Thẩm định vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

c) Ra quyết định công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

d) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

a) Phối hợp với các cơ quan hữu quan ở địa phương, cơ sở chăn nuôi xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Đề nghị Cục Thú y công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

c) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động thú y trong vùng an toàn dịch bệnh.

3. Các đơn vị được Cục Thú y cử thẩm định, chẩn đoán, xét nghiệm đối với các vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những kết luận của mình.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

1. Các cơ sở chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật, kinh doanh sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải tuân theo mọi quy định của pháp

luật về thú y đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Tổ chức, cá nhân ở các vùng khác có các hoạt động liên quan đến vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải chấp hành các quy định áp dụng đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm thi hành:

Cục trưởng Cục Thú y trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Thú y) xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2002/QĐ-BNN **ngày 12/7/2002 về việc ban hành** **Quy chế tuyển chọn, công nhận,** **khen thưởng công trình xây** **dựng chất lượng cao.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ vào Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 08/LBXD ngày 07/1/1992 của liên Bộ Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước - Bộ Xây dựng - Bộ Giao thông vận tải và bưu điện - Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Hội Xây dựng Việt Nam về việc xét thưởng các công trình tiêu biểu, chất lượng cao;

Để nâng cao chất lượng các công trình xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của các Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm và Vụ trưởng Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển chọn, công nhận, khen thưởng công trình xây dựng chất lượng cao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Quy chế này thay thế cho Quy chế tuyển chọn, công nhận, khen thưởng các công trình tiêu biểu chất lượng cao ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-KT ngày 03/4/1993 của Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm Vụ trưởng Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản, Vụ trưởng Vụ Tài chính kế toán, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc các Ban Quản lý dự án và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

PHẠM HỒNG GIANG